TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Kiệt
2. Ông Nguyễn Văn Long

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Minh Chánh- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*Bà Lê Phương Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim Th,** sinh năm 1984; (có mặt)
Địa chỉ: Số N, tổ M, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ liên lạc: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ,** sinh năm 1973. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số N, tổ M, ấp M, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kim Th trình bày:

Chị và anh Đ tự nguyện xác lập hôn nhân hợp pháp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2002. Từ thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn mà thường xuyên say xỉn về nhà kiếm chuyện với chị. Do đó, từ năm 2012

đến nay chị và anh Đ đã sống ly thân, tôi đi làm ăn xa để kiếm tiền về nuôi con. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cần Tòa án cho chị được ly hôn với Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Th, sinh ngày 05/12/2001 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 29/05/2004. Hiện các cháu đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn chị đồng ý giao 02 cháu cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.000.000 đồng mỗi tháng, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên toà mà không có lý chính đáng.

* Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị Kim Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị Th là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, về con chung giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng mỗi cháu cho đến khi cọn chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Kim Th với anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 277 ngày 31 tháng 12 năm 2002. Ngày 24/6/2019 chị Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đ, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn Đ, thường trú tại địa chỉ Số N, tổ 17, ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn Nguyễn Văn Đ vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim Th và anh Nguyễn Văn Đ được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của chị Th và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị Th thì sau khi cưới vợ chồng sống chung hạnh phúc, từ năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn mà thường xuyên say xỉn về nhà gây gỗ với chị, chị có khuyên nhưng anh Đ không thay đổi. Từ năm 2012 đến nay chị Th và anh Đ đã sống ly thân, chị Th đi làm ăn xa để kiếm tiền về nuôi con. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Xét thấy, anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, thông báo về kết quả hòa giải và công khai các chứng cứ, nhưng không có ý kiến gì về các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị Th. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ bao gồm những lời khai mà chị Th trình bày là hợp lệ. Do chị Th và anh Đ đã ly thân từ năm 2012, thời gian ly thân đã lâu nhưng không hàn gắn được tình cảm, tại phiên tòa chị Th vẫn cương quyết ly hôn với anh Đ, cho thấy đời sống vợ chồng giữa chị Th và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Minh Th, sinh ngày 05/12/2001 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 29/05/2004. Hiện các cháu đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn chị Th đồng ý để 02 cháu cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.000.000 đồng mỗi tháng, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, 02 con của chị Th đã lớn và sắp tròn 18 tuổi, từ thời gian 2012 lúc chị Th đi làm ăn xa đến nay, 02 cháu vẫn sống chung với anh Đ và phát triển bình thường, anh Đ cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu về con chung của chị Th, nên cần xem xét giao con chung cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp.

[4]Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Th xác định không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim Th

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh Th, sinh ngày 05/12/2001 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 29/05/2004, cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi cháu là 1.000.000 đồng mỗi tháng, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu chị Th chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, cho đến khi con chung trưởng thành, lao động được.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000035 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly